

Bản án số: 62/2025/HC-PT

Ngày: 18-01-2025

V/v: “*Kiến quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất  
đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Trần Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 321/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 128/2024/HC-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Dương Quý L - Sinh năm 1958 và bà Đặng Thị L1 - Sinh năm 1960; cùng trú tại: **Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Đều vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Phạm Hữu H; trú tại: **5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đình C – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích và hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Viết Ngọc P – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Dương Tiến T; trú tại: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:**

Ông Dương Quý L và bà Đặng Thị L1 đang sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 91 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Để thực hiện công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, UBND huyện E đã thu hồi của hộ ông Dương Quý L 384,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất nói trên. Ngày 11/8/2023, UBND huyện E ban hành Quyết định số 278/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án nêu trên, theo đó, hộ ông Dương Quý L không được bồi thường mà được hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 50% đối với cây trồng hàng năm và hỗ trợ 60% đối với tài sản, vật kiến trúc và về cây trồng gắn liền với đất.

Ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1 không đồng ý với Quyết định bồi thường nói trên, bởi lẽ:

Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Dương Quý L có nguồn gốc do ông Dương Quý L khai hoang năm 1997 sau đó gia đình đã canh tác và trồng hoa màu trên đất. Đến năm 2003, ông L đưa cả gia đình từ quê và xã C để sinh sống và cất nhà để ở tạm, việc này được UBND xã C xác nhận. Năm 2006, ông L xây dựng nhà kiên cố và các công trình phụ, tiếp tục trồng thêm cây ăn trái, ruộng lúa và hoa màu. Đến năm 2016, gia đình ông L có trồng thêm nhiều loại cây trồng ăn trái và nhiều loại cây hoa màu cho đến nay.

Có thể thấy diện tích đất mà hộ ông Dương Quý L bị thu hồi đã được ông L quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1997 đến nay không có tranh chấp với ai, cũng không bị cơ quan nào xử phạt hành chính. Hiện nay gia đình ông L chỉ có một căn nhà duy nhất tại vị trí đất bị thu hồi.

Căn cứ vào Điều 75 Luật Đất đai 2013, Điều 13 Nghị định 47/2013/NĐ –

CP, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ – CP thì hộ ông **Dương Quý L** đủ điều kiện để được bồi thường về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tái định cư.

Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 278/QĐ – UBND ngày 11/8/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 chỉ hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 50% đối với cây trồng hàng năm và hỗ trợ 60% đối với tài sản, vật kiến trúc và về cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông **Dương Quý L** là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Dương Quý L**.

Do đó, ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ – UBND ngày 11/8/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1**.

Buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **Dương Quý L** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tái định cư cho ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xin rút yêu cầu về hỗ trợ tái định cư cho ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1**.

**2. Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Lê Đình C trình bày:**

### **2.1. Nguồn gốc sử dụng đất:**

Hộ ông **Dương Quý L** sử dụng 384,2m<sup>2</sup> đất thuộc phạm vi thu hồi. Tại thửa đất số 141 tờ bản đồ số 91 theo trích lục bản đồ địa chính số 2295/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện E** cấp ngày 25/05/2023.

Căn cứ Giấy xác nhận số 166/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Dương Quý L** lần chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày

04/07/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất công ty L4 giao cho UBND huyện E quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp

## 2.2. Bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp*”.

Căn cứ theo Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

*Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

- 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;*
- 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;*
- 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;*
- 4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”*
- 5. Đối với các thửa đất không sử dụng đất trên 12 tháng đối với cây hàng năm và 18 tháng đối với cây lâu năm thì không xem xét hỗ trợ về đất.”*

Căn cứ Giấy xác nhận số 166/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Dương Quý L lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày

04/07/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất công ty L4 giao cho UBND huyện E quản lý.

Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông Dương Quý L không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

### **2.3. Hỗ trợ về đất:**

Căn cứ Khoản 2, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk:

*“ Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:*

*“a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;*

*b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;*

*c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;*

*d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;*

*đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.*

*e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.”*

Căn cứ Giấy xác nhận số 166/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Dương Quý L lần chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên được hỗ trợ theo điểm C Khoản 2, Điều 20 về đất.

### **2.4. Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc**



**- Về đơn giá tài sản, vật kiến trúc:** Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**- Về mức hỗ trợ:** Căn cứ điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk:**

*“a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như như sau:*

*- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.*

*- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.*

*b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:*

*- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.*

*- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.”*

**- Về thời điểm tạo lập tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất:** Căn cứ vào kết quả xác định thời điểm của **UBND xã C.**

Căn cứ thời điểm xác nhận thời điểm tạo lập tài sản của hộ ông **Dương Quý L** được tạo lập vào năm 2006. Xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi

thường về đất do đó được hỗ trợ 60% đối với nhà ở, tài sản vật kiến trúc gắn liền trên đất giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

## **2.5. Hỗ trợ khác về cây trồng:**

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk**:

*“ 5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có Thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:*

*a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

*b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

*c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.*

*d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.”*

Căn cứ Giấy xác nhận số 166/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Dương Quý L** lần chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

- Từ những căn cứ nêu trên và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 11/08/2023, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1; Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 11/08/2023, về việc thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 trên địa bàn **xã C** đối với hộ ông **Dương Quý L** là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Do đó, việc hộ ông **Dương Quý L** đề nghị hủy một phần Quyết định số Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 11/08/2023, của **UBND huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 và buộc **UBND huyện E**

bồi thường cho gia đình ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Dương Tiến T** mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có bản tự khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 128/2024/HC-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ: khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** ;

- Buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** phải ban hành phương án bồi thường, hỗ



trợ mới cho hộ ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2024, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận đơn kháng cáo của ông **Phạm Hữu H** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện, đơn đề ngày 11/8/2024, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị huỷ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **L** bà **L1**.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, đó đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà; xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông **Phạm Hữu H** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và **UNBD huyện E** có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Ông **Phạm Hữu H** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi:

Phía người khởi kiện cho rằng, diện tích đất bị thu hồi của hộ ông **Dương Quý L** có nguồn gốc do ông **Dương Quý L** khai hoang và sử dụng ổn định từ

năm 1997 đến nay không có tranh chấp, không bị xử lý vi phạm hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cung cấp Đơn xác nhận về quá trình sử dụng đất của ông **Trần Văn T1**, bà **Triệu Thị L2**, bà **Lý Thị M**, ông **Hoàng Hùng M1**, ông **Lý Văn T2**, bà **Trần Thị M2**, ông **Trần Văn T3**, bà **Lương Thị T4**....và một số người khác cùng với nội dung: “Tôi xác nhận quá trình sử dụng đất của ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** tại **thôn F, xã C** với vị trí giáp đường, các bên giáp đất của ông **Trịnh Minh T5** và ông **Trịnh Văn C1**, phía sau giáp đường ruộng như sau: Được ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** khai hoang và cất nhà sinh sống ổn định từ năm 1997 đến nay”. Đồng thời, cung cấp 01 bản sao Thẻ hội viên Hội nông dân thể hiện thời điểm vào hội là ngày 12/7/2001 và 01 Đơn xin xác nhận của ông **Dương Quý L** được **Công an xã C** với nội dung: “Căn cứ vào bản khai của công dân tại tàng thư **Công an huyện E**, công dân **Dương Quý Lâm** sinh năm 1958 sinh sống tại **thôn F, xã C, E, Đắc Lắc** từ năm 2003 đến nay”.

Xét thấy, các tài liệu do người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cung cấp không phải là các giấy tờ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ – CP.

Căn cứ Kết quả xác nhận số 166/GXN – UBND ngày 21/6/2023 của **UBND xã C** thể hiện: Nguồn gốc sử dụng đất: Lắm chiếm, sử dụng đất năm 2005, diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ – UB ngày 04/7/2003 của **UBND tỉnh Đắc Lắc** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho **UBND huyện E** quản lý, thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất.

Căn cứ Sổ hộ khẩu do người khởi kiện cung cấp thể hiện, thời điểm hộ ông **Dương Quý L** đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Thôn F, xã C** là năm 2006.

Khoản 3 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ – CP quy định: Trường hợp thời điểm sử dụng đất thể hiện trên các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này có sự không thống nhất thì thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định theo giấy tờ có ghi ngày tháng năm sử dụng đất sớm nhất.

Do đó, có căn cứ xác định thời điểm hộ ông **Dương Quý L** bắt đầu sử dụng đất là năm 2005. Việc người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện xác định thời điểm sử dụng đất là năm 1997 là không có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đối với yêu cầu bồi thường về đất: Căn cứ Quyết định số 2107/QĐ – UB ngày 04/7/2003 của **UBND tỉnh Đắc Lắc** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho **UBND huyện E** quản lý thì diện tích

đất bị thu hồi của **Lâm trường L4** đã được xác định loại đất. Căn cứ khoản 3 Điều 10 Luật Đất đai, Điều 58 Nghị định 43/2014/NĐ – CP và Thông tư 27/2018/TT-BTNMT thì diện tích là hộ ông **Dương Quý L** lấn chiếm không phải là đất chưa sử dụng. Do đó việc người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện viện dẫn quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ – CP để xác định diện tích đất bị thu hồi của hộ ông **Dương Quý L** là đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất, chuyển mục đích sang đất ở và công nhận quyền sử dụng đất ở là không có cơ sở.

Do diện tích đất của ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** có nguồn gốc do lấn chiếm đất của **UBND huyện E** quản lý, thuộc quy hoạch đất giao thông nên hộ ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Như đã nhận định ở trên, do thời điểm lấn chiếm đất của hộ ông **Dương Quý L** là năm 2005 nên việc **UBND huyện E** đã hỗ trợ cho hộ ông **Dương Quý L3** 50% theo giá đất tại bảng giá đất do **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** (Sau đây gọi tắt là Quyết định 14) ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Do diện tích đất bị thu hồi của hộ ông **Dương Quý L** là đất trồng cây hàng năm (NHK) nên **UBND huyện E** áp dụng giá đất 22.000 đồng/m<sup>2</sup> là đúng quy định.

[4]. Xét yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc và về cây trồng gắn liền với đất, thấy rằng:

Điểm a khoản 4 Điều 20 Quyết định 14 quy định:

“Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới....

Điểm c khoản 5 Quyết định 14 quy định:

“Cây trồng không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

.....

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành”....

Như vậy, việc UBND huyện E hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất đối với hộ ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1 là đúng quy định.

[5]. Xét yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1, HĐXX nhận định như sau:

Tại Kết quả xác nhận số 166/GXN – UBND ngày 21/6/2023 của UBND xã C thể hiện hộ ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1 có 03 thửa đất đang sử dụng trên địa bàn xã với tổng diện tích 21.854,4m<sup>2</sup>. Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông L, bà L1 là 384,2m<sup>2</sup>. Như vậy, sau khi bị thu hồi, hộ ông Dương Quý L vẫn còn lại diện tích 21.506,2m<sup>2</sup> để canh tác, sản xuất do đó không có căn cứ để hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1.

[6]. Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư: Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện E cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tài liệu chứng cứ gồm: Biên bản về việc bốc thăm tạm bàn giao đất hỗ trợ tái định cư cho dự án đường bộ cao tốc Khánh Hoà – Buôn Ma T6 (đợt 01) và Biên bản tạm bàn giao đất trên thực địa thể hiện: Ngày 24/11/2023, hộ ông Dương Quý L đã được giao thửa đất tạm số 185, tờ bản đồ số 31 tại thôn Y, xã C, huyện E để sử dụng vào mục đích đất ở. Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xin rút yêu cầu về hỗ trợ tái định cư cho ông Dương Quý L, bà Đặng Thị L1 nên hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện không có

cơ sở, không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** là người cao tuổi nên đã được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ: khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đắk Lắk** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái



định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** ;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Dương Quý L**, bà **Đặng Thị L1** theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm hành chính: Ông **Dương Quý L** và bà **Đặng Thị L1** được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Cường**